

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/01/2023

*V/v Tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Lộc
Ông Thái Trung Nghĩa
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Âu Hoàng Mên - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc “Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16/12/2022 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà Hứa Thị T, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn H, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2022 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hứa Thị T trình bày: Bà Hứa Thị T và ông Lý Văn H, chung sống với nhau vào năm 1987, có tổ chức đám cưới theo phong tục, không có đăng ký kết hôn. Sau cưới hai người sống chung tại nhà riêng ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và ở đây cho đến hôm nay, những tháng năm đầu bà T và ông H sống chung không hạnh phúc, nhưng vì thương con và sợ cha mẹ buồn lòng, nên kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc cho đến hôm nay. Quá trình chung sống với nhau bà T và ông H, có 02 người con chung Lý Thị T1, sinh năm 1988

(nữ); Lý Minh L, sinh năm 1996 (nam). Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia. Về nợ chung không có.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Hứa Thị T và ông Lý Văn H, không phải là vợ chồng; Về con chung: Lý Thị T1, sinh năm 1988 (nữ); Lý Minh L, sinh năm 1996 (nam) hai con đã trưởng thành có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn tại biên bản ghi lời khai ngày 01/11/2022 (BL20) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ông H và bà T có tổ chức lễ cưới vào cuối năm 1987, không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung tên Lý Thị T1, sinh năm 1988 (nữ); Lý Minh L, sinh năm 1996 (nam), về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, nợ chung không có. Ông H thống nhất với ý kiến bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ chung sống giữa ông H và bà T không phải là vợ chồng vì hai người không có đăng ký kết hôn với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận mối quan hệ chung sống giữa bà T và ông H là vợ chồng. Về con chung các con của bà T và ông H hiện đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà Hứa Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ chung sống giữa bà T và ông Lý Văn H không phải là vợ chồng do hai người chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Hứa Thị T và bị đơn ông Lý Văn H là tranh chấp về hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại ấp B, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Hứa Thị T và bị đơn ông Lý Văn H thấy rằng: Bà T và ông H chung sống với nhau từ cuối năm 1987, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng...”*. Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 8016/VBHN-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn, thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Bà T và ông H chung sống với nhau từ cuối năm 1987 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà T và ông H cùng thừa nhận quá trình chung sống với nhau có 02 người con chung gồm: Lý Thị T1, sinh năm 1988 (nữ); Lý Minh L, sinh năm 1996 (nam) hiện nay các con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và tại phiên tòa hôm nay bà T và ông H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị T đối với bị đơn ông Lý Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hứa Thị T và ông Lý Văn H.

- Về con chung: Lý Thị T1, sinh năm 1988 (nữ); Lý Minh L, sinh năm 1996 (nam) hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Hứa Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0004405 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Lý Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng